

các công việc chuẩn bị, đồng thời phải tổ chức theo dõi kiểm tra đôn đốc việc thực hiện và thường xuyên báo cáo kết quả công tác chuẩn bị lên Thường vụ Hội đồng Chính phủ.

*Hà-nội, ngày 24 tháng 4 năm 1973*

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*

**LÊ THANH NGHỊ**

**NGHỊ ĐỊNH số 101-CP ngày 21-5-1973**  
**quy định hệ thống tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiểm lâm nhân dân.**

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ vào điều 16 và điều 17 của Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng do Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 6-9-1972 và do Lệnh của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa số 147-LCT ngày 11-9-1972 công bố ;*

*Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp ;*

*Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 2-3-1973,*

## NGHỊ ĐỊNH

### 1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC KIỂM LÂM NHÂN DÂN

**Điều 1.** — Lực lượng kiểm lâm nhân dân được tổ chức trong ngành lâm nghiệp thành hệ thống từ trung ương đến cấp huyện, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.

**Điều 2.** — Hệ thống tổ chức kiểm lâm nhân dân gồm có :

— Ở trung ương : Cục kiểm lâm nhân dân trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp ;

— Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có rừng : Chi cục kiểm lâm nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính tỉnh; thành phố ;

— Ở các huyện nơi có rừng : Hạt kiểm lâm nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính huyện.

Ở những nơi tập trung dầu mối giao thông quan trọng (đường thủy, đường bộ, đường sắt) thì có thể thành lập các Hạt kiểm lâm nhân dân để làm nhiệm vụ kiểm soát lại lâm sản (gọi là Hạt kiểm soát lâm sản). Tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi, Tổng cục Lâm nghiệp quyết định đặt các Hạt này trực thuộc Cục kiểm lâm nhân dân hoặc Chi cục kiểm lâm nhân dân.

**Điều 3.** — a) Cục kiểm lâm nhân dân do một cục trưởng phụ trách, có từ một đến hai phó cục trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm và điều động cục trưởng, phó cục trưởng do Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị, Hội đồng Chính phủ quyết định.

b) Chi cục kiểm lâm nhân dân do một chi cục trưởng phụ trách, có một phó chi cục trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm và điều động chi cục trưởng, phó chi cục trưởng do Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quyết định.

c) Hạt kiểm lâm nhân dân do một hạt trưởng phụ trách, có một phó hạt trưởng giúp việc. Việc bổ nhiệm và điều động hạt trưởng, phó hạt trưởng do chi cục trưởng đề nghị, cục trưởng Cục kiểm lâm nhân dân quyết định.

## II. NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN KIỂM LÂM NHÂN DÂN CÁC CẤP

**Điều 4.** — Cục kiểm lâm nhân dân có những nhiệm vụ sau đây :

1. Tổ chức và chỉ đạo việc tổ chức lực lượng kiểm lâm nhân dân và lực lượng quần chúng bảo vệ rừng ;

2. Giáo dục chính trị và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm nhân dân ;

3. Quản lý cán bộ theo sự phân cấp của Tổng cục Lâm nghiệp ;

4. Xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và trang bị cho lực lượng kiểm lâm nhân dân ;

5. Trực tiếp chỉ huy các Chi cục và các Hạt kiểm lâm nhân dân trực thuộc Cục ;

6. Giúp ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp trong việc nghiên cứu xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ, thể lệ

về bảo vệ rừng và điều lệ tổ chức và công tác của lực lượng kiểm lâm nhân dân.

**Điều 5.** — Chi cục kiểm lâm nhân dân có những nhiệm vụ sau đây :

1. Tổ chức lực lượng kiểm lâm nhân dân và hướng dẫn việc tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng trong địa phương ;
2. Giáo dục chính trị và bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm nhân dân ;
3. Quản lý cán bộ theo sự phân cấp của Tổng cục Lâm nghiệp ;
4. Thực hiện việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và trang bị cho lực lượng kiểm lâm nhân dân ;
5. Trực tiếp chỉ huy các Hạt kiểm lâm nhân dân ;

6. Theo dõi và kiểm tra việc thu tiền nuôi rừng ở các Hạt kiểm lâm nhân dân ;

7. Quản lý việc săn, bắt chim, muông, thú rừng.

**Điều 6.** — Hạt kiểm lâm nhân dân có những nhiệm vụ sau đây :

1. Nắm sát tình hình rừng, tình hình thực vật và động vật rừng trong Hạt ;

2. Tuần tra rừng, kiểm soát người ra vào rừng, ngăn ngừa việc phá rừng, chặt cây rừng trái phép, lấn chiếm đất rừng ;

3. Tổ chức thực hiện việc phòng cháy, chữa cháy rừng và hướng dẫn việc phòng, trừ sâu, bệnh phá hại rừng ;

4. Kiểm tra việc thực hiện các phương án quy hoạch, thiết kế kinh doanh rừng, các quy trình kỹ thuật khai thác, tu bổ, cải tạo rừng, trồng rừng... ;

5. Kiểm soát việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển lâm sản ;

6. Kiểm soát việc săn, bắt chim, muông, thú rừng ;

7. Giáo dục chính trị cho cán bộ, nhân viên trong Hạt ;

8. Trực tiếp tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng này ;

9. Thu tiền nuôi rừng theo chế độ kiểm thu lâm sản của Nhà nước ;

10. Cấp giấy phép lấy lâm sản dùng cho gia đình và cá nhân ;

11. Bố trí các trạm kiểm lâm nhân dân để thực hiện nhiệm vụ của Hạt đến từng tiểu khu rừng ;

12. Phối hợp với các lực lượng vũ trang và bán vũ trang để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng và tham gia vào công tác giữ gìn trật tự, trị an ở vùng rừng núi.

**Điều 7.** — Hạt kiểm soát lâm sản, trong khu vực mình phụ trách, có những nhiệm vụ sau đây :

1. Kiểm soát các lâm sản vận chuyển trên đường thủy, đường bộ, đường sắt ;

2. Kiểm soát việc mua bán và tàng trữ lâm sản ;

3. Kiểm tra việc thực hiện điều lệ săn, bắt chim, muông, thú rừng và kiểm soát việc vận chuyển các loại động vật này ;

4. Bảo quản những lâm sản bị tạm giữ hoặc bị tịch thu, giao các lâm sản bị tịch thu cho cơ quan có chức năng phân phối hoặc cửa hàng bán lâm sản ;

5. Thu tiền phạt và nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ kiểm thu lâm sản.

### III. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA LỰC LƯỢNG KIỂM LÂM NHÂN DÂN

**Điều 8.** — a) Tất cả cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân, trong khi thi hành nhiệm vụ tuần tra rừng, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thề lệ về bảo vệ rừng và kiểm soát việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển lâm sản, đều có quyền :

— Kiểm soát các loại giấy phép chặt cây, giấy phép khai thác rừng, giấy phép vận chuyển lâm sản, giấy phép săn, bắt chim, muông, thú rừng và các loại giấy phép khác quy định trong luật lệ về bảo vệ rừng ;

— Ra lệnh cho người điều khiển các phương tiện vận tải đang chuyên chở lâm sản trên đường thủy, đường bộ dừng lại để kiểm soát lâm sản ;

b) Riêng cục trưởng, phó cục trưởng, chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, hạt trưởng, phó hạt trưởng và những cán bộ kiểm lâm nhân dân thi hành lệnh viết của các cấp này được quyền khám xét trong nhà ga, trên toa xe lửa, trong nhà tư nhân và trong xí nghiệp, cơ quan, đơn vị.

**Điều 9.** — Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân, trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu phát hiện có vụ vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng, có quyền cảnh cáo hoặc phạt tiền người phạm pháp từ 1 đồng đến 10 đồng ; nếu phạt tiền từ 11 đồng đến 100 đồng thì phải do hạt trưởng, phó hạt trưởng kiểm lâm nhân dân quyết định ; từ 101 đồng đến 200 đồng thì phải do chi cục trưởng, phó chi cục trưởng quyết định.

Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn cụ thể việc xử phạt nói ở điều này tùy theo tính chất và mức độ tác hại của các vụ vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng.

**Điều 10.** — Khi bắt giữ tang vật, phải lập biên bản.

Tang vật là những lâm sản trái phép, những dụng cụ và phương tiện trực tiếp dùng để phạm pháp.

**Điều 11.** — Trong trường hợp phát hiện những hoạt động của cơ quan, xí nghiệp, đơn vị vũ trang, của công dân hoặc tập thể công dân có nguy cơ trực tiếp gây cháy rừng hoặc tàn phá rừng thì cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân được quyền yêu cầu đình chỉ những hoạt động này. Nếu đương sự không làm theo yêu cầu đó thì cục trưởng, phó cục trưởng, chi cục trưởng, phó chi cục trưởng hoặc hạt trưởng, phó hạt trưởng kiểm lâm nhân dân được quyền ra lệnh đình chỉ những hoạt động này, đồng thời báo ngay cho cấp trên của cơ quan, xí nghiệp, đơn vị ấy hoặc Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã sở tại.

**Điều 12.** — Đối với các vụ vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng, cục trưởng, phó cục trưởng chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, hạt trưởng, phó hạt trưởng kiểm lâm nhân dân được quyền tiến hành điều tra, lập hồ sơ theo đúng thủ tục pháp luật để chuyển sang Viện Kiểm sát nhân dân. Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân không được tự ý bắt giữ người hoặc ra lệnh bắt giữ người trừ trường hợp khẩn cấp quy định ở điều 13 dưới đây.

**Điều 13.** — Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân được sử dụng vũ khí, được bắt giữ kẻ phạm pháp để giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp khẩn cấp như phải đối phó với những kẻ mưu toan dùng vũ khí chống cự, những kẻ phạm tội nghiêm trọng đang chạy trốn, nếu những kẻ ấy không chịu nghe lệnh ngăn cấm của kiểm lâm nhân dân.

**Điều 14.** — Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quy định thủ tục tiến hành các công việc nói trong mục III này trong điều lệ tổ chức và công tác của lực lượng kiểm lâm nhân dân để bảo đảm ngăn ngừa kịp thời và trừng trị thích đáng những vụ vi phạm luật lệ về bảo vệ rừng, đồng thời tôn trọng các quyền tự do dân chủ của nhân dân, không gây trở ngại cho việc làm ăn, sinh sống bình thường của nhân dân.

#### IV. KINH PHÍ, BIÊN CHẾ, CÁC CHẾ ĐỘ TRANG BỊ, ĐẢI NGỘ VÀ PHÙ HIỆU CẤP HIỆU CỦA LỰC LƯỢNG KIỂM LÂM NHÂN DÂN

**Điều 15.** — Tổ chức và hoạt động của lực lượng kiểm lâm nhân dân do kinh phí sự nghiệp bảo vệ rừng đài thọ.

Biên chế chung của lực lượng kiểm lâm nhân dân được tính theo tiêu chuẩn bình quân 1.000 hecta rừng một người.

Căn cứ vào những quy định chung của Nhà nước và trong phạm vi quyền hạn của mình, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quản lý thống nhất kinh phí và biên chế của lực lượng kiểm lâm nhân dân và phân bổ cụ thể kinh phí và biên chế của lực lượng này tùy theo yêu cầu của công tác bảo vệ rừng ở các địa phương.

**Điều 16.** — Cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân được hưởng các chế độ phụ cấp thâm niên, cung cấp lương thực, thực phẩm giống như các chế độ hiện hành đối với lực lượng Công an nhân dân vũ trang; được trang bị đồng phục và vũ khí.

**Điều 17.** — a) Đồng phục của cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân màu xanh rêu, may theo kiểu đồng phục của Cảnh sát nhân dân.

b) Phù hiệu của cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân gắn ở trên mũ là ngôi sao vàng năm cánh nổi trên nền đỏ hình tròn có viền chỉ vàng xung quanh, có hai lá cây ôm lấy hình tròn và có bốn chữ KLND (kiểm lâm nhân dân) ở dưới ngôi sao.

c) Cấp hiệu của cán bộ, nhân viên kiểm lâm nhân dân đeo ở cổ áo, nền xanh lá cây, có gắn phù hiệu kiểm lâm nhân dân thu nhỏ ở bên, có sao bạc và vạch vàng hoặc đỏ để thể hiện từng cấp từ cục trưởng đến nhân viên kiểm lâm nhân dân.

Kèm theo nghị định này có bản phụ lục thuyết minh cụ thể về phù hiệu, cấp hiệu kiểm lâm nhân dân. (\*)

#### V. LỰC LƯỢNG QUẢN CHỨNG BẢO VỆ RỪNG

**Điều 18.** — Ở địa phương nơi có rừng, đi đôi với việc thành lập lực lượng kiểm lâm nhân dân phải tổ chức lực lượng quản chứng bảo vệ rừng ở cơ sở theo sự hướng dẫn của cơ quan kiểm lâm nhân dân.

Ủy ban hành chính các xã, thị trấn, thị xã thành phố ở nơi có rừng phải tổ chức Ban lâm nghiệp do một phó chủ tịch hoặc một ủy viên Ủy ban hành chính làm trưởng ban, có cán bộ chuyên trách giúp việc. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của Ban lâm nghiệp là giúp Ủy ban hành chính thực hiện công tác bảo vệ rừng trong địa phương. Ban lâm nghiệp có trách nhiệm tổ chức các đội, tổ quản chứng bảo vệ rừng ở các hợp tác xã, khu phố.

Thủ trưởng các lâm trường, nông trường, công trường, xí nghiệp công nghiệp, cơ quan ở trong rừng hoặc ven rừng có trách nhiệm tổ chức các đội, tổ quản chứng bảo vệ rừng ở đơn vị mình

**Điều 19.** — Các đội, tổ quần chúng bảo vệ rừng có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ theo như quy định ở điều 17 của Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng.

Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quy định cụ thể những biện pháp tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng ở cơ sở; cùng với ông Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các chế độ trang bị và chính sách đối với lực lượng quần chúng bảo vệ rừng.

## VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 20.** — Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm quy định cụ thể điều lệ tổ chức và công tác của lực lượng kiểm lâm nhân dân các cấp; cùng với thủ trưởng các ngành có liên quan quy định cụ thể các chế độ trang bị và sử dụng vũ khí, phụ cấp thâm niên, chế độ cung cấp lương thực, thực phẩm... cho lực lượng kiểm lâm nhân dân.

**Điều 21.** — Này bãi bỏ các quy định về việc thành lập Cục Bảo vệ lâm nghiệp trong quyết định của Hội đồng Chính phủ số 116-CP ngày 25-7-1963.

**Điều 22.** — Các ông Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 21 tháng 5 năm 1973  
T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ  
**PHẠM VĂN ĐỒNG**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH số 85-TTg ngày 24-4-1973**  
về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số lần thứ hai ở trung ương và địa phương.

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 12 tháng 3 năm 1973 về công tác chuẩn bị tiến hành tổng điều tra dân số toàn miền Bắc lần thứ hai;

Xét yêu cầu chỉ đạo thực hiện công tác trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay thành lập Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, gồm các thành viên sau đây:

— Đồng chí Trần Hữu Dục, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, trưởng ban,

— Đồng chí Nguyễn Đức Dương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, phó ban thường trực Ban,

— Đồng chí Nguyễn Văn Ngọc, Phó chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng, phó ban,

— Đồng chí Trần Quyết, Thứ trưởng Bộ Công an, ủy viên,

— Đồng chí Chế Việt Tấn, Ủy viên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ủy viên,

— Đồng chí Nguyễn Đăng, Thứ trưởng Bộ Lao động, ủy viên,

— Đồng chí Dương Công Hoạt, Phó chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trung ương, ủy viên.

**Điều 2.** — Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương có nhiệm vụ giúp Thường vụ Hội đồng Chính phủ chỉ đạo toàn bộ công tác tổng điều tra dân số, từ khâu chuẩn bị đến các khâu điều tra, tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả điều tra. Cụ thể là:

a) Nghiên cứu, xác định mục đích yêu cầu và xây dựng phương án điều tra trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ phê chuẩn;

b) Giúp các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao, giao thông vận tải xây dựng phương án điều tra riêng phù hợp với đặc điểm của từng ngành;

c) Chỉ đạo thực hiện các công tác chuẩn bị đã nêu trong chỉ thị của Hội đồng Chính phủ số 83-CP ngày 24-4-1973;

d) Chỉ đạo thực hiện cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai trên toàn miền Bắc theo phương án điều tra được Thường vụ Hội đồng Chính phủ phê chuẩn;

e) Tổ chức tổng hợp số liệu điều tra và báo cáo kết quả cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai lên Hội đồng Chính phủ.

**Điều 3.** — Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương được thành lập một Văn phòng với những bộ phận chuyên trách giúp việc, gồm khoảng 50 cán bộ có năng lực nghiên cứu, kiểm tra. Số cán bộ này sẽ do Thủ tướng Chính phủ ra quyết định trưng tập trong thời gian 2 năm, kể từ quý II năm 1973.

**Điều 4.** — Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ chỉ đạo thực hiện cuộc tổng điều tra dân số tại địa phương mình.